



An Lạc & Tự Chủ

VIỆT NAM VĂN HIẾN

www.vietnamvanhien.net



Về một số hội nghị quốc tế liên quan đến chủ quyền của VN đối với Hoàng Sa và Trường Sa (1943-51)



Tác giả: Nguyễn Thanh Minh

Đặt vấn đề

Chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là không thể tranh cãi, dựa trên các yếu tố cấu thành chủ quyền của một quốc gia về lãnh thổ đó là khẳng định chủ quyền về mặt nhà nước và sự đương nhiên thừa nhận trong tập quán quốc tế. Việt Nam là quốc gia duy nhất có những dữ kiện địa lý, bằng chứng lịch sử, cơ sở pháp lý quốc gia và quốc tế để xác lập chủ quyền và khẳng định chủ quyền của mình đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Nội dung chính sách về biển của Nhà nước Việt Nam trong quá trình xác lập chủ quyền về mặt nhà nước đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa luôn phù hợp với hệ thống quy phạm pháp lý quốc tế về xác lập chủ quyền đối với một vùng lãnh thổ. Đó là một quốc gia khi xác lập chủ quyền đối với một vùng lãnh thổ phải thể hiện đầy đủ tính chất về mặt nhà nước, tức là nhà nước đó có ban hành văn bản, chính sách và tổ chức quản lý hành chính vùng lãnh thổ đó hay không khi nó chưa thuộc chủ quyền của bất kỳ một quốc gia hay vùng lãnh thổ nào, đồng thời cách thức xác lập chủ quyền phải được thực hiện bởi tổ chức hành chính trực thuộc nhà nước. Xét về khía cạnh này, Việt Nam là quốc gia duy nhất trong khu vực Biển Đông đáp ứng đầy đủ tính chất về

xác lập chủ quyền và khẳng định chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa về mặt nhà nước theo quy định của luật pháp quốc tế và thực tiễn quốc tế.

Quá trình hoạch định và triển khai chính sách về biển của Nhà nước Việt Nam qua các triều đại phong kiến đã được thể hiện rõ nét trong suốt mọi giai đoạn lịch sử, nội dung đó đã hình thành và liên tục được kế thừa phát triển qua các thể chế nhà nước. Đặc biệt, trong chính sách về biển đảo có nội dung khẳng định chủ quyền của Nhà nước Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Những chứng lịch sử đã chứng minh quá trình xác lập chủ quyền đối với toàn bộ vùng biển đảo của Nhà nước Việt Nam, trong đó có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là một trong những nội dung cơ bản của quá trình triển khai chính sách về biển đối với các Nhà nước phong kiến Việt Nam.

Trong suốt chiều dài lịch sử phát triển của đất nước, chủ quyền của Nhà nước Việt Nam trên các vùng biển đảo và hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trong khu vực Biển Đông luôn được xác định rõ ràng, nội dung này được thể hiện qua những nội dung cơ bản của quá trình hoạch định và thực thi chính sách về biển của quốc gia, điều này hoàn toàn phù hợp với những nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế về xác lập chủ quyền đối với những vùng lãnh thổ vô chủ đương thời.

Việt Nam trong thời kỳ Lê – Trịnh (1592 – 1788), đã chứng kiến sự mở rộng lãnh thổ xuống phía Nam của nhà Nguyễn ở Đàng Trong. Từ khi chúa Nguyễn Hoàng (1558 -1613), đặt nền móng cho sự mở rộng bờ cõi mà đến đỉnh cao là chúa Nguyễn Phúc Nguyên (1613 – 1635), vị chúa của những kỳ công mở cõi đầu thế kỷ XVII. Trong thời kỳ này, chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đã được xác lập và đi vào quản lý, khai thác một cách đồng bộ vừa mang tính dân sự vừa mang tính quân sự. Tuy nhiên, do vấn đề lịch sử để lại, bởi vậy, chủ quyền của Nhà nước Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trên Biển Đông đã bị một số quốc gia và vùng lãnh thổ trong khu vực bất chấp những nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế và nội dung của Hiến chương Liên hợp quốc cũng như những quy định của luật biển quốc tế đã xâm chiếm trái phép hoàn toàn quần đảo Hoàng Sa và một số đảo đá thuộc quần đảo Trường Sa của Nhà nước Việt Nam. Điều này, đã dẫn đến hệ quả là cuộc đấu tranh trên các phương diện bằng chứng lịch sử và cơ sở pháp lý quốc tế, luật pháp quốc gia và phương diện ngoại giao nhằm khẳng định chủ quyền của Nhà nước Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là cuộc đấu tranh lâu dài nhưng oanh liệt, khó khăn và rất phức tạp.

Tiếp cận cơ sở pháp lý quốc tế từ kết quả phân tích nội dung chính của một số hội nghị quốc tế diễn ra trong thế kỷ XX, đã đương nhiên thừa nhận chủ quyền của Nhà nước Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là hướng nghiên cứu mới. Những nội dung cơ bản được quy định trong các hội nghị quốc tế có thể được xem là một trong những cơ sở pháp lý quốc tế quan trọng để Nhà nước Việt Nam làm căn cứ phục vụ cho cuộc đấu tranh trường kỳ để khẳng định chủ quyền của mình, buộc các bên hữu quan có yêu sách phi lý về chủ quyền trao trả quần đảo Hoàng Sa và một số điểm đảo đá, bãi ngầm, bãi cạn thuộc quần đảo Trường Sa cho Việt Nam theo luật pháp quốc tế, bằng biện pháp hòa bình giải quyết tranh chấp chủ quyền lãnh thổ.

1. Tuyên bố Cairo

Năm 1943, bối cảnh chung của thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, các mối quan hệ quốc tế liên tiếp diễn ra dưới nhiều hình thức khác nhau, song mục đích chính của các nước lớn là tranh giành phạm vi ảnh hưởng và phân chia lại biên giới lãnh thổ sau khi chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc. Bên cạnh đó, cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai đã bước vào giai đoạn khốc liệt nhất. Để xem xét một số vấn đề quan trọng của thế giới có liên quan đến biên giới lãnh thổ, đại diện ba nước Anh, Mỹ và Trung Quốc (Cộng hòa Trung Hoa do Tưởng Giới Thạch đứng đầu) đã nhóm họp tại Cairo Thủ đô của Ai Cập ngày 27-11-1943, mà lịch sử gọi là Hội nghị Tam cường Anh – Mỹ – Trung. Hội nghị kết thúc đã đưa ra được Tuyên bố chung, trong tuyên bố có đoạn viết: Nhật Bản phải bị loại ra khỏi tất cả các đảo ở Thái Bình Dương mà Nhật đã cướp hoặc chiếm đóng từ khi bắt đầu cuộc Chiến tranh Thế giới lần thứ nhất năm 1914, và tất cả những lãnh thổ Nhật đã chiếm của Trung Quốc như Mãn Châu Lý, Đài Loan và Bành Hồ sẽ được trả lại cho Cộng hòa Trung Hoa.[1] Ở đây chúng ta xem xét chủ quyền của Nhà nước Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trên hai khía cạnh cơ bản:

Thứ nhất, vấn đề lãnh thổ của Trung Quốc, Tuyên bố Cairo đã khẳng định ý chí của các cường quốc buộc Nhật Bản phải trao trả lại cho Cộng hòa Trung Hoa các lãnh thổ mà Nhật Bản đã chiếm của Trung Quốc bao gồm: Mãn Châu Lý, Đài Loan và Bành Hồ, không có gì liên quan đến chủ quyền của hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, bởi vì chủ quyền đó đã thuộc về Nhà nước Việt Nam từ lâu.

Thứ hai, Tuyên bố Cairo đã không đề cập đến chủ quyền của quốc gia nào đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Tại sao vậy? Bởi vì, hai quần đảo này đã thuộc chủ quyền của Nhà nước Việt Nam từ lâu, ít nhất là từ thế kỷ XVII đã có những chứng cứ lịch sử chứng minh chủ quyền thuộc về Nhà nước Việt Nam. Chính vì vậy, những người đứng đầu của hội nghị đã không đề cập đến chủ quyền lãnh thổ của Hoàng Sa và Trường Sa là lẽ đương nhiên.

Tựu trung lại, nội dung của Tuyên bố Cairo năm 1943, được xem là một trong những điều ước quốc tế quan trọng để hợp thành hệ thống cơ sở pháp lý quốc tế nhằm khẳng định chủ quyền của Nhà nước Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Đồng thời là một trong những căn cứ pháp lý quốc tế quan trọng để Nhà nước Việt Nam vận dụng, nhằm bác bỏ những luận thuyết sai trái về hiện thực khách quan. Đồng thời phản đối sự khẳng định chủ quyền phi lý của Trung Quốc đã xâm chiếm trái phép hoàn toàn quần đảo Hoàng Sa và một số đảo đá thuộc quần đảo Trường Sa của Nhà nước Việt Nam.

2. Hội nghị Postdam

Vào năm 1945, cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai dần dần đi vào kết thúc, thế giới có nhiều việc phải làm đối với các cường quốc thắng trận như vấn đề lãnh thổ, phân chia phạm vi ảnh hưởng... Sau khi Thế chiến thứ hai kết thúc ở mặt trận châu Âu, tháng 7-1945, đại diện ba nước lớn là Anh, Mỹ và Liên Xô đã tổ chức nhóm họp tại Postdam của Đức, nội dung chính của cuộc họp là để thảo luận về tương lai chính trị, đặc biệt về vấn đề tổ chức tuyển cử tại các nước Đông Âu và Trung Âu. Hội nghị Postdam đã ra Tuyên bố chung ngày 26-7-1945, nội dung của Tuyên bố còn ấn định thể thức giải giáp quân đội Nhật Bản sau khi chiến tranh Thái Bình Dương kết thúc.

Đối với Việt Nam, để giải giáp quân đội Nhật, ba nước Anh – Mỹ – Liên Xô đã quyết định chia Việt Nam thành 2 khu vực từ vĩ tuyến 16, theo đó quân đội Trung Hoa có nghĩa vụ giải giáp và hồi hương quân đội Nhật từ vĩ tuyến 16 ra Bắc và quân đội Anh

được ủy nhiệm giải giáp quân đội Nhật từ vĩ tuyến 16 trở vào Nam. Theo tuyên bố Postdam, phía Trung Quốc do phái đoàn Cộng hòa Trung Hoa (Quốc dân đảng) có nghĩa vụ giải giáp quân đội Nhật từ vĩ tuyến 16 ra Bắc, trong đó có quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam tọa lạc tại vĩ tuyến 16: nhóm Lưỡi Liềm phía Tây Nam tại vĩ độ $16^{\circ}30'N$ và nhóm An Vĩnh phía Đông Bắc tại vĩ độ $16^{\circ}50'N$. Trong khi đó, quân đội Hoàng gia Anh có nghĩa vụ giải giáp quân đội Nhật từ vĩ tuyến 16 trở vào Nam, kể cả quần đảo Trường Sa tọa lạc tại các vĩ tuyến từ 12° đến 7° N, tính từ Cam Ranh xuống tỉnh Cà Mau. Nhiệm vụ đã được quy định rõ ràng trong nội dung của tuyên bố Postdam, đó là lực lượng của các nước Cộng hòa Trung Hoa và Anh thay mặt Đồng minh vào giải giáp quân Nhật, chứ không phải tiếp thu hay chiếm hữu lãnh thổ của quốc gia đến làm nhiệm vụ. Xét tính chất đóng vai trò quan trọng là nhiệm vụ đã được quy định rõ ràng trong bản tuyên bố là giải giáp quân Nhật, đồng thời thực tế này cho thấy, các nước Đồng minh đã mặc nhiên thừa nhận hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc lãnh thổ của Nhà nước Việt Nam là lẽ đương nhiên.

Tháng 8-1945, quân đội Trung Hoa Quốc dân đảng vào miền Bắc để tiến hành việc giải giáp quân Nhật ở đây. Sau một thời gian, Trung Quốc đã ký với Pháp bản Hiệp ước Trùng Khánh vào ngày 28-2-1946. Theo nội dung chính của Hiệp ước thì "Pháp khước từ trị ngoại pháp quyền và các quyền liên hệ khác tại Trung Hoa" điều thể hiện rõ nét là Pháp trả Trung Quốc các tô giới tại Thượng Hải và Quảng Châu. Đổi lại Trung Quốc đồng ý để quân đội Pháp vào bắc vĩ tuyến 16 thay thế quân đội Trung Hoa Quốc dân đảng để thực hiện nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật. Ngay sau thời điểm đó, Chính phủ Pháp đã ký với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Hiệp định Sơ bộ vào ngày 6/3/1946, xoay quanh vấn đề nước Pháp thừa nhận Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một Quốc gia tự do và tự trị nằm trong Liên bang Đông Dương và trong Khối Liên hiệp Pháp và quân đội Pháp sẽ ra miền Bắc của Việt Nam để thay thế quân Tưởng.

3. Hội nghị hòa bình San Francisco

Hội nghị San Francisco được tổ chức từ ngày 4 – 8/9/1951, có đại diện 51 nước tham dự để bàn về việc ký hòa ước hòa bình với Nhật Bản. Đầu tháng 9-1951, theo lời mời của Chính phủ Mỹ, 51 quốc gia trước kia đã từng tham gia hay có liên hệ tới cuộc chiến chống xâm lược Nhật Bản từ năm 1939 đến năm 1945 đã tham dự Hội nghị hòa bình nhóm họp tại thành phố San Francisco của Mỹ để thảo luận vấn đề chấm dứt tình trạng chiến tranh và tái lập bang giao với Nhật Bản. Phái đoàn Quốc gia Việt Nam đại diện cho Nhà nước Việt Nam do Thủ tướng kiêm Ngoại trưởng Trần Văn Hữu thuộc Chính phủ Bảo Đại làm trưởng đoàn cũng được mời tham gia hội nghị. Tuy nhiên, Trung Quốc và vùng lãnh thổ Đài Loan đều không được mời tham dự Hội nghị. Trong Hội nghị này, nội dung chính là thảo luận bản dự thảo hòa ước do hai nước Anh và Mỹ đề nghị ngày 12-7-1951. Ngày 8-9-1951, các nước tham dự Hội nghị đã ký hòa ước với Nhật Bản, ngoại trừ ba nước còn lại là Liên Xô, Ba Lan và Tiệp Khắc đã không ký.

Mỹ đã gạt Trung Quốc ra ngoài Hội nghị, chính vì vậy, các nhà lãnh đạo Trung Quốc ngay từ cuối năm 1950 đã có phản ứng gay gắt. Một mặt Chính phủ Trung Quốc đã ra một số tuyên bố chính thức, mặt khác họ cho đăng các bài báo để lên án việc không mời Trung Quốc tham dự Hội nghị và để trình bày quan điểm của Trung Quốc về một số vấn đề cần phải được thảo luận, trong đó có vấn đề chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Ngày 5-9-1951, trong phiên họp toàn thể thứ hai của hội nghị San Francisco, đại biểu Liên Xô là Andrei A. Gromyko Tại phiên họp toàn thể ngày 05/9/1951, Andrei Gromyko, trưởng đoàn đại biểu của Liên Xô đó đề nghị một tu chính trong Dự thảo Hòa ước với Nhật Bản, theo đó Nhật Bản công nhận chủ quyền của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa trên các quần đảo Paracels và Spratlys.^[2] Nhưng Hội nghị đó bỏ phiếu bác bỏ tu chính này với 46 phiếu thuận, 3 phiếu chống gồm: Liên Xô, Ba Lan, Tiệp Khắc và một phiếu trắng.

Tại Hội nghị hòa bình San Francisco năm 1951, phái đoàn Quốc gia Việt Nam tham gia Hội nghị đã ra tuyên bố khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Ngày 7-9-1951, Thủ tướng kiêm Ngoại trưởng Trần Văn Hữu, trưởng phái đoàn Quốc gia Việt Nam đã ra tuyên bố tái khẳng định chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trước 51 phái đoàn ngoại giao của các nước thành viên Liên hợp quốc: Và để tận dụng không ngần ngại mọi cơ hội để dập tắt những mầm mống bất hòa, chúng tôi khẳng định chủ quyền của chúng tôi trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa từ xưa đến nay vẫn thuộc cương vực Việt Nam.^[3] Lời tuyên bố đó đã được Hội nghị San Francisco ghi vào biên bản và trong tất cả 51 phái đoàn tham dự hội nghị, không có một phái đoàn nào phản đối thể hiện bằng văn bản. Không có bất cứ một đại diện nào của 51 quốc gia tham dự Hội nghị có ý kiến phản đối hoặc bảo lưu đối với tuyên bố trên của đại diện Việt Nam tại Hội nghị San Francisco.

Về khía cạnh pháp lý, với sự công bố khẳng định chủ quyền của Nhà nước Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trước 50 quốc gia thành viên Liên hợp quốc tham dự hội nghị San Francisco năm 1951, cho thấy: từ năm 1951 các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đã được các quốc gia trên thế giới đương nhiên thừa nhận là lãnh thổ thuộc chủ quyền của Nhà nước Việt Nam trong một Hội nghị quốc tế có sự tham gia của 50 quốc gia thành viên của tổ chức quốc tế là Liên hợp quốc. Sự kiện 92% các quốc gia thành viên Liên hợp quốc thừa nhận chủ quyền của Nhà nước Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa có giá trị tuyệt đối phù hợp với luật pháp quốc tế, buộc các quốc gia khác phải thừa nhận, kể cả đối với những quốc gia và vùng lãnh thổ không tham dự Hội nghị như Trung Quốc và vùng lãnh thổ Đài Loan.

Việc hòa ước San Francisco tách riêng Đài Loan, Bành Hồ và hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa thành hai khoản riêng biệt (b, f) tự nó đã bao hàm ý nghĩa không công nhận chủ quyền của hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc về Trung Quốc. Tại khoản f quy định: Nhật Bản từ bỏ tất cả các quyền, tước hiệu và đòi hỏi đối với quần đảo Spratlys and Paracels.^[4]

Như vậy, việc phái đoàn Quốc gia Việt Nam tham gia Hội nghị San Francisco tháng 9-1951 và ra tuyên bố chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là sự kiện có ý nghĩa quan trọng, nhằm chứng minh về sự xác lập chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Nhà nước Việt Nam. Đây được xem là cơ sở pháp lý quan trọng để Việt Nam tiếp tục khẳng định chủ quyền ở hai quần đảo này ra các hội nghị quốc tế và khu vực, tại các diễn đàn quốc tế và khu vực, cũng có thể đưa vào hồ sơ pháp lý để đấu tranh với các bên có yêu sách chủ quyền tại tòa án quốc tế.

Kết luận

Nghiên cứu những tư liệu và chứng cứ nêu trên cho thấy, rõ ràng là những văn kiện pháp lý quốc tế từ Tuyên bố Cairo ngày 27-11-1943 và Tuyên ngôn Hội nghị

Potsdam ngày 26-7-1945 khẳng định lại nội dung Tuyên bố Cairo cho đến Hòa ước San Francisco ký ngày 8-9-1951 đã không xác nhận chủ quyền của bất kỳ quốc gia nào khác đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền của Nhà nước Việt Nam. Đồng thời việc không một quốc gia nào tại Hội nghị San Francisco được tổ chức vào năm 1951 phản đối hoặc bảo lưu về tuyên bố của Trưởng Đoàn đại biểu Nhà nước Việt Nam lúc đó về khẳng định chủ quyền của Nhà nước Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, điều này chứng tỏ cộng đồng quốc tế đã mặc nhiên công nhận chủ quyền của Nhà nước Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Như vậy, các vùng lãnh thổ mà Tuyên bố Cairo xác nhận và Hòa ước San Francisco khẳng định lại là của Trung Quốc chỉ bao gồm Đài Loan và Bành Hồ. Xuyên suốt các hội nghị quốc tế, từ Tuyên bố Cairo cho đến Hội nghị San Francisco đều đã thừa nhận chủ quyền của Nhà nước Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Sự thừa nhận chủ quyền thuộc về Nhà nước Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa từ 51 nước thành viên của tổ chức Liên hợp quốc là cơ sở pháp lý quốc tế quan trọng và sinh động, nhằm khẳng định chủ quyền không thể tranh cãi của Nhà nước Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Việt Nam cũng là quốc gia duy nhất trong khu vực và trên thế giới có cơ sở pháp lý quốc tế từ các hội nghị quốc tế để tiếp tục đấu tranh khẳng định chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, tiến tới buộc các bên hữu quan có yêu sách chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa phải tiến hành trao trả lại cho Nhà nước Việt Nam đúng theo quy định của luật pháp quốc tế.

TS. Nguyễn Thanh Minh công tác tại Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển, Bộ Quốc phòng. Bài viết này đã được đăng lần đầu trên Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc (ISSN-0868 3670), số 6 năm 2014.

[1] Hội nghị Cairo và Teheran 1943, trang 448. Văn kiện Bộ Ngoại giao Mỹ, 1961 – Washington.

[2] Đề nghị của Andrei Gromyko như sau: "*Nhật Bản công nhận chủ quyền đầy đủ của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa trên Mãn Châu Lý, đảo Đài Loan cùng tất cả các đảo phụ cận của nó như Bành Hồ, Đông Sa quần đảo cũng như các đảo thuộc Tây Sa quần đảo và Trung Sa quần đảo (quần đảo Paracels, nhóm đảo Vĩnh An) và Nam Sa quần đảo kể cả các đảo Spratleys, và từ bỏ tất cả các quyền, danh nghĩa và yêu sách đối với các lãnh thổ có tên nêu trên*". *Conference for the Conclusion and Signature of the Peace Treaty with Japan, Record of Proceedings* (Hội nghị tổng kết và ký kết Hòa ước với Nhật Bản) Washington D.C, Department of State, 1951, p.119.

[3] Hội nghị ký kết Hòa ước với Nhật Bản trang 314. Văn kiện của Bộ Ngoại giao Mỹ, tháng 12 năm 1951 – Washington.

[4] Hội nghị ký kết Hòa ước với Nhật Bản trang 314. Văn kiện của Bộ Ngoại giao Mỹ, tháng 12 năm 1951 – Washington.

Nguồn: <http://nghiencuuquocte.org/2017/03/26/hoi-nghi-quoc-te-chu-quyen-vn-hoang-sa-va-truong-sa-1943-51/>

www.vietnamvanhien.net